

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân gia
đình về việc không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn.
2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, G các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp G, xã HT, huyện G1, tỉnh TN; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Tuyết M, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp BV, xã PT, huyện G1, tỉnh TN; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Văn T trình bày:

Ông và bà Đặng Thị Tuyết M chung sống với nhau từ năm 1992, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp. Ông

và bà M đã ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng G ông và bà M.

Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Quốc T1, sinh năm 1994. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đặng Thị Tuyết M trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân là đúng. Nay tình cảm không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng G bà và ông T.

Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Quốc T1, sinh năm 1994. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, không công nhận ông T và bà M là vợ chồng; về con chung: con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đoàn Văn T khởi kiện yêu cầu không nhận quan hệ vợ chồng với bà Đặng Thị Tuyết M, địa chỉ: ấp BV, xã PT, huyện G1, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về không công nhận quan hệ vợ chồng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T, bà M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét

xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà M chung sống với nhau từ năm 1992, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, mặc dù ông T, bà M đã có thời gian dài chung sống và đã có 01 con chung nhưng căn cứ Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì xác định ông Đoàn Văn T và bà Đặng Thị Tuyết M không phải là vợ chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng G ông T và bà M.

[2.2] Về con chung: Ông T, bà M xác nhận có 01 con chung là Đoàn Quốc T1, sinh năm 1994. Xét thấy, anh T1 đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Đoàn Văn T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Đoàn Văn T và bà Đặng Thị Tuyết M là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Quốc T1, sinh năm 1994. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ông T, bà M không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đoàn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024163 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (Ghi nhận ông T đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã BĐ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

